

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1907/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 31 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án kiểm kê rừng
tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015 - 2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 -2016”;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/4/2013 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Công văn số 834/BNN-TCLN ngày 10/3/2014 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm kê rừng ở địa phương;

Xét đề nghị của Sở NN&PTNT tại Tờ trình số 130/TTr-SNN-KL ngày 18/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án kiểm kê rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015 - 2016 (kèm theo Phương án) với nội dung chính như sau:

1. Tên Phương án: Phương án kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015 - 2016

2. Cấp quản lý:

- *Chủ quản đầu tư:* UBND tỉnh Bình Phước

- *Chủ đầu tư:* Chi cục Kiểm lâm - Sở NN&PTNT.



3. Quy mô phương án: Kiểm kê toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp thuộc quy hoạch 3 loại rừng (178.256 ha) và diện tích rừng nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng (1.058 ha).

4. Thời gian thực hiện phương án: 2015 - 2016.

5. Mục tiêu của phương án

- Đến năm 2016, xác định được toàn bộ diện tích rừng, chất lượng rừng trong và ngoài quy hoạch lâm nghiệp và diện tích đất chưa có rừng được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp (đất chưa có rừng) gắn với chủ quản lý cụ thể trên phạm vi toàn tỉnh, phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về quản lý bảo vệ và phát triển rừng, triển khai quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng từ tỉnh đến xã.

- Thiết lập hồ sơ quản lý rừng; xây dựng cơ sở dữ liệu theo đơn vị quản lý rừng và đơn vị hành chính các cấp phục vụ theo dõi diễn biến rừng và đất rừng hàng năm làm căn cứ đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, và tạo cơ sở để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

6. Nhiệm vụ, đối tượng và đơn vị kiểm kê

6.1. Nhiệm vụ của Phương án

- Xây dựng được hệ thống bản đồ thành quả kiểm kê rừng 3 cấp: xã, huyện, tỉnh. Trong đó, bản đồ kiểm kê rừng cấp xã (dạng số) phải chứa đựng đầy đủ các thông tin cho từng lô kiểm kê rừng đã được thu thập trong phiếu kiểm kê.

- Báo cáo kết quả kiểm kê rừng kèm theo các thông tin trong hệ thống biểu số liệu về diện tích và trữ lượng rừng.

6.2. Đối tượng thực hiện

- Toàn bộ diện tích rừng và chất lượng rừng theo mục đích sử dụng của 03 loại rừng; diện tích rừng đã trồng nhưng chưa thành rừng; các trạng thái thực bì trên đất chưa có rừng (Ia, Ib, Ic) và diện tích đất chưa có rừng được giao và cho thuê với mục đích phát triển rừng.

- Toàn bộ chủ rừng đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp hoặc đã được giao quản lý, sử dụng rừng, cho thuê rừng, đất rừng bao gồm: Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, Doanh nghiệp nhà nước (Công ty TNHH MTV, Lâm trường...); Doanh nghiệp tư nhân; Hộ gia đình, cá nhân; Đơn vị vũ trang (Quân đội, Công an); Tổ chức khác (nghiên cứu khoa học, đoàn thể...); Cộng đồng dân cư thôn bản; Người Việt Nam ở nước ngoài; Tổ chức cá nhân nước ngoài; Ủy ban nhân dân cấp xã (đang quản lý diện tích rừng, đất chưa có rừng).

6.3. Đơn vị kiểm kê

- Đơn vị kiểm kê rừng là lô kiểm kê (lô kiểm kê nằm trên một phần hoặc toàn bộ lô trạng thái, thuộc duy nhất một chủ quản lý).

- Diện tích lô kiểm kê tối thiểu là 0,5 ha đối với rừng tự nhiên và đất chưa có rừng; 0,2 ha đối với rừng trồng.

- Nếu diện tích thửa của một chủ hộ riêng biệt nhỏ hơn diện tích trên thì diện tích lô kiểm kê tối thiểu bằng diện tích chủ hộ.

- Kết quả kiểm kê rừng và đất chưa có rừng sẽ được tập hợp theo trình tự từ nhỏ đến lớn: lô trạng thái, lô kiểm kê, khoảnh, tiểu khu lên các cấp hành chính xã, huyện, tỉnh.

7. Nội dung các hoạt động kiểm kê, lập hồ sơ quản lý tài nguyên rừng và thành quả kiểm kê (thực hiện theo nội dung của phương án đã xây dựng).

8. Tiến độ và thời gian thực hiện

Phương án Kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh thực hiện từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 10 năm 2016, cụ thể:

- Tháng 8/2015: Xây dựng và trình duyệt Phương án, dự trù kinh phí kiểm kê rừng cấp tỉnh, báo cáo Bộ NN&PTNT; Thành lập Tổ công tác kiểm kê các cấp.

- Tháng 9/2015: Sau khi được Trung ương cấp kinh phí, tiến hành xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện ở các cấp.

- Tháng 10 - 11/2015: Phối hợp với các cơ quan Trung ương thực hiện công tác điều tra rừng; Tổ chức hội nghị triển khai cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Tháng 12/2015 - 03/2016: Tiếp nhận hồ sơ kết quả điều tra rừng do các cơ quan Trung ương bàn giao và kiểm kê rừng thực địa.

- Tháng 4 - 6/2016: Lập báo cáo kiểm kê rừng.

- Tháng 7 - 10/2016: Kiểm tra, thẩm định kết quả kiểm kê, tổng kết và báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương.

9. Khái toán kinh phí thực hiện

Khái toán kinh phí thực hiện Phương án kiểm kê rừng: **5.679.890.000** đồng (Năm tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Nguồn Kinh phí:

- Trung ương hỗ trợ 70%: 3.971.923.000 đồng.

- Ngân sách địa phương: 1.539.395.000 đồng (bổ trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2016)

- Nguồn kinh phí của các chủ rừng nhóm II: 548.572.000 đồng

10. Tổ chức thực hiện

10.1. Tổ chức quản lý

- Cấp tỉnh: Thành lập Tổ công tác kiểm kê rừng cấp tỉnh, Giám đốc Sở NN&PTNT quyết định thành lập, đặt tại Chi cục Kiểm lâm. Tổ công tác có tối thiểu 5 thành viên (gồm các cán bộ chuyên môn). Tổ công tác kiểm kê rừng cấp tỉnh có nhiệm vụ



vụ tham mưu UBND tỉnh, Sở NN&PTNT ban hành các văn bản chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác kiểm kê rừng của các cấp chính quyền cơ sở, các ngành và chủ rừng; lập kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác kiểm kê rừng, quản lý hoạt động kiểm kê rừng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Cấp huyện: UBND huyện quyết định giao nhiệm vụ trực tiếp cho Hạt Kiểm lâm tổ chức kiểm kê rừng.

- Cấp xã: thành lập Tổ kiểm kê rừng cấp xã, do chủ tịch UBND xã quyết định. Tổ kiểm kê rừng cấp xã lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng tại xã theo hướng dẫn của Tổ kiểm kê rừng cấp trên. Thành phần của Tổ kiểm kê rừng cấp xã gồm Phó Chủ tịch UBND xã làm tổ trưởng và các thành viên là kiểm lâm phụ trách địa bàn; cán bộ địa chính xã; đồng thời khi tổ công tác làm việc đến thôn nào thì trưởng thôn đó là thành viên tổ công tác.

10.2. Trách nhiệm của các ngành, các cấp

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì tổ chức triển khai công tác kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng tiến độ đạt hiệu quả.

b) Giao nhiệm vụ Chi cục Kiểm lâm:

+ Xây dựng Phương án và dự toán kinh phí kiểm kê rừng báo cáo Sở NN&PTNT trình UBND tỉnh và Bộ NN&PTNT;

+ Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Phương án kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh;

+ Tham mưu Sở NN&PTNT ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh;

+ Tiếp nhận bản đồ hiện trạng rừng cấp xã, huyện, và tài liệu liên quan từ Bộ NN&PTNT cấp để phục vụ kiểm kê rừng;

+ Tổ chức thực hiện kiểm kê rừng theo kế hoạch, chịu trách nhiệm về chất lượng kiểm kê và tiến độ kiểm kê;

+ Giám sát, kiểm tra chặt chẽ tiến độ, nội dung công tác kiểm kê;

+ Kiểm tra nghiệm thu, đánh giá chất lượng kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh;

+ Tổ chức lập Hồ sơ quản lý rừng, phục vụ công tác cập nhật diễn biến diện tích rừng và đất lâm nghiệp hàng năm sau kiểm kê rừng;

+ Tham mưu Sở NN&PTNT thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và kết quả kiểm kê của tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ đạo Trung ương;

+ Tham mưu tổ chức đánh giá, tổng kết việc kiểm kê rừng toàn tỉnh.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở chủ trì, hoặc phối hợp tham gia đối với những nội dung liên quan đến dự án điều tra, kiểm kê rừng trên toàn tỉnh, cụ thể:

- Chỉ đạo các cơ quan đơn vị thuộc Sở, hướng dẫn địa phương phối hợp tham gia công tác điều tra, kiểm kê rừng và tổ chức cập nhật số liệu có liên quan về kiểm kê rừng giai đoạn 2015 - 2016 vào hồ sơ quản lý đất đai hàng năm của từng địa phương và toàn tỉnh;

- Thống nhất kế hoạch, tiến độ và tổ chức cung cấp bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/10.000, hệ quy chiếu VN 2000; bản đồ thành quả kiểm kê đất đai năm 2015 của tỉnh (bao gồm bản đồ và số liệu) cho các đơn vị liên quan của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Phối hợp Sở NN&PTNT thống nhất điều chỉnh, cập nhật bổ sung các tiêu chí kiểm kê, thống kê đất lâm nghiệp; ranh giới, số liệu quy hoạch ba loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 5/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ và ranh giới các chủ quản lý (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc quyết định giao đất...) làm căn cứ để kiểm kê rừng và lập hồ sơ quản lý.

d) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan thuộc đơn vị phối hợp với Sở NN&PTNT và UBND các huyện thực hiện kiểm kê rừng trên địa bàn do các đơn vị trực thuộc hai đơn vị quản theo hướng dẫn của Bộ NN&PTNT, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, đơn vị thực hiện kiểm kê rừng ở những vùng biên giới không thuộc phạm vi hai đơn vị quản lý;

- Đối với địa bàn do các đơn vị quản lý và trực tiếp chỉ đạo việc kiểm kê rừng, hai đơn vị có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê rừng gửi cho Ban chỉ đạo kiểm kê rừng cấp tỉnh để tập hợp kết quả.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Dự án;

- Thẩm định kinh phí thực hiện Phương án kiểm kê rừng giai đoạn 2015 - 2016;

- Đảm bảo kinh phí thực hiện Phương án hàng năm theo đúng tiến độ dự án.

f) Cục Thống kê tỉnh

- Tham gia rà soát, đối chiếu kết quả kiểm kê rừng với các nguồn số liệu khác có liên quan;

- Cập nhật kết quả kiểm kê rừng giai đoạn 2015 - 2016 để biên soạn và công bố số liệu thống kê rừng theo quy định của Luật Thống kê.

g) UBND các huyện có rừng

- Xây dựng và phê duyệt Kế hoạch Kiểm kê rừng cấp huyện;

- Ban hành các văn bản chỉ đạo theo thẩm quyền để thực hiện Phương án kiểm kê rừng trên địa bàn huyện;

- Phối hợp với Sở NN&PTNT tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm kê rừng cho các đơn vị, các chủ rừng trên địa bàn huyện;
- Chỉ đạo UBND các xã, chủ rừng thực hiện kiểm kê rừng trên địa bàn huyện.
- Chỉ đạo Tổ kiểm kê rừng của huyện phối hợp với Tổ công tác kiểm kê rừng của tỉnh kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá chất lượng kiểm kê trên địa bàn huyện.
- Tổng hợp nội dung định kỳ theo quy định, gửi kết quả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Kiểm lâm).

Điều 2. Chi cục Kiểm lâm chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Sở NN&PTNT tổ chức thực hiện Phương án, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư; định kỳ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Bộ NN&PTNT.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Cục Thống kê; UBND các huyện, thị; Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTN;
- Lưu: VT ^(Đ.Thắng) /0



Trần Ngọc Trại